



CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC HUYỀN ẢO TRONG TIỂU THUYẾT MĨ LATIN NHÌN DƯỚI LÍ TÍNH KHÔNG CỦA PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

*Nguyễn Thành Trung**

Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 29-9-2018; ngày nhận bài sửa: 09-11-2018; ngày duyệt đăng: 21-11-2018

TÓM TẮT

Bài viết này khảo sát Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo (CNHTHA) từ góc độ so sánh loại hình với lí Tính Không trên ba khía cạnh: quan niệm nghệ thuật, hình tượng không gian thời gian và mẫu nhân vật cô đơn thể hiện trong một số tiểu thuyết huyền ảo Mỹ Latin hiện đại. Đây chính là một cầu nối, góc nhìn mới của cả Phật giáo lẫn văn học.

Từ khóa: Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo, Tính Không, tiểu thuyết huyền ảo Mỹ Latin, nhân vật, không gian, thời gian.

ABSTRACT

Magical Realism in Some Latin American Novels From the View of Emptiness of Therevada

This article surveys Magical Realism from a comparative perspective with the notion of Emptiness in three aspects: artistic conception, temporal spatial imagery and loneli character embodied in some modern magical novels. This is a bridge, a new view of both Therevada Buddhism and literature.

Keywords: Magical Realism, the Emptiness, Latin American magical novels, character, time, space.

1. Tính Không và Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo trong tiểu thuyết Mỹ Latin

Là một trong những khái niệm căn bản, Tính Không thường gây hồ nghi và bị hiểu nhầm là thành phần yếm thế hóa Phật giáo. CNHTHA đến nay vẫn còn bị tranh cãi về bản chất điều kiện tự nhiên Mỹ Latin, văn hóa châu Âu hoặc kết quả điều kiện lịch sử chính trị đặc thù. Những nhập nhằng này tuy có thể giải quyết nhưng vẫn luôn để lại nhiều quan ngại khi tiếp cận lí Tính Không và CNHTHA.

Bên cạnh đó, Phật giáo ngày nay đang chứng kiến khuynh hướng cải biến ngày càng rõ rệt: bỏ Thiên Chúa giáo ở châu Âu; chuyển từ Thiên Chúa giáo sang Tin Lành ở châu Á và châu Mỹ; chuyển từ Phật giáo sang Tin Lành ở châu Á. Hiện tượng này bị chi phối bởi nhiều nguyên do, trong đó có kinh tế. Nhiều học giả lạc quan cho rằng Phật giáo vẫn có thành trì châu Á trên nền tảng văn hóa phương Đông nhưng thật ra dựa vào văn hóa thì khá

* Email: thanhtrungdhsp@yahoo.com

bị động. Phật giáo cần chủ động thâm nhập đời sống Mỹ Latin để giải quyết vấn đề đã được nêu tập trung, điển hình trong tiểu thuyết hiện đại. Đó cũng chính là nơi vận hành của CNHTHA – khuynh hướng triết mỹ vẫn chi phối việc đọc tiểu thuyết, tiếp cận tác phẩm, giảng dạy trong trường đại học, giao lưu quốc tế và đậm dấu ấn trong sáng tác văn học Việt Nam, đời sống người Việt hiện đại. Vì những lẽ nêu trên, bài viết này khảo sát *CNHTHA trong tiểu thuyết Mỹ Latin nhìn dưới lí Tính Không của Phật giáo Nguyên thủy* nhằm tìm kiếm một con đường, một cầu nối liên kết và giải quyết hai vấn đề ngỡ như không liên quan gì nhưng thực chất lại hé lộ nhiều tương đồng thú vị.

Liên quan đến đề tài, *Buddhism in Latin America* (2017) của Cristina cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về Phật giáo ở Mỹ Latin đang ngày một bản địa hóa, quốc tế hóa và cố gắng liên kết với những ý tưởng, niềm tin, thực hành, văn hóa Phật giáo thế giới. Trước đó, Richard Hughes Seager (1999) giới thiệu *Buddhism in America* trình bày những đặc điểm cơ bản của Mỹ Latin, các tông phái Thiền Nhật Bản, Nguyên thủy, Tây Tạng... và một số chủ đề như giới tính, Phật giáo nhập thế, đối thoại xuyên tôn giáo và Phật giáo, Phật hóa châu Mỹ hóa. Luận văn *El budismo y el cuento hispanoamericano* của Frances M. Reece Nickeson (2007) đã phân tích các tác phẩm của Marquez theo Phật học: Chỉ ra kĩ thuật mảnh vỡ kết cấu tiểu thuyết có tính chất như trạng thái bùng phát đốn ngộ của Thiền tông. *Trăm năm cô đơn* như một ẩn dụ kêu gọi lòng từ bi, san sẻ để nhân loại vượt lên nỗi cô đơn vốn bị chi phối bởi ngã chấp. Tập *Mười hai truyện ngắn phiêu dạt* xoay quanh nhiều góc độ Phật học thông qua những câu chuyện ngắn đề cao thái độ buông xả, lòng nhân từ xóa tan Vô minh, làm rõ mối quan hệ thực và ảo; tuy vậy ngoài luận văn này ra, việc vận dụng Phật giáo vào văn học Mỹ Latin thực sự hiếm. Vì vậy, đi tiếp con đường này, vượt lên tác giả, tác phẩm cụ thể, hướng đến bức tranh toàn thể hầu năm được mạch vận động cơ bản, chúng tôi tập trung vào khuynh hướng nổi bật nhất của Mỹ Latin: CNHTHA.

Như đã trình bày, CNHTHA vốn là đề tài gây tranh cãi hấp dẫn nhất của Mỹ Latin nên số lượng công trình bàn bạc cũng khá phong phú. Trước hết cần nhắc đến *Magical Realism: Theory, History, Community* do Lois Parkinson Zamora, Wendy B. Faris biên tập gồm 24 bài báo trình bày lịch sử phát triển của CNHTHA từ một khái niệm hội họa chuyển vào văn học được làm rõ qua những đặc điểm từng giai đoạn, hình thái đa dạng cũng có khi mâu thuẫn nhau. Bên cạnh đó, Maggie Ann Bowers trong *Magic (al) Realism* lại có những khảo sát rất cụ thể về CNHTHA khi phân biệt với chủ nghĩa Siêu thực, lí giải thông qua cảm thức Hậu Thuộc địa, Hậu Hiện đại trong tiểu thuyết Ấn Độ, Canada, Mỹ... *A Companion to Magical Realism* của M. Hart và Wen-chin Ouyang đề xuất đặt cái mới CNHTHA không ở tác giả mà là đối tượng vật chất; cần một cái nhìn mới về sự vật hiện tượng và đời sống, nhờ vậy, có thể tìm lại được bản chất của mình. Ở Việt Nam, CNHTHA cũng được quan tâm bàn bạc nhiều, tập trung nhất là thông qua Hội thảo khoa học *Yếu tố kì ảo và huyền thoại trong văn học* của Đại học Khoa học Huế (2013) với 46 bài nghiên cứu về yếu tố huyền ảo và huyền thoại trên phạm vi rộng lớn từ văn học Việt Nam đến nước

ngoài, từ cổ – trung đến hiện đại. Các tác giả vận dụng cảm quan văn hóa chính trị để lí giải CNHTHA, thậm chí đề xuất bỏ thành phần Hiện thực mà chỉ giữ lại Chủ nghĩa Huyền ảo để khảo sát... Những ý kiến này góp phần hỗ trợ các lớp ý nghĩa của lí Tính Không và khả năng ứng dụng vào giải quyết CNHTHA trong một số tiểu thuyết Mĩ Latin hiện đại.

Bài viết này hướng đặc điểm CNHTHA xuyên suốt trong ba tiểu thuyết *Pedro Paramo* (Joan Rulfo, 1955), *Trăm năm cô đơn* (TNCD) (Marquez, 1967) và *Nhà giả kim* (NGK) (Paulo Coelho, 1988) và soi chiếu nó dưới ánh sáng Tính Không – từ tiếng Sankrit “Sunya” phát sinh từ gốc Svi – làm phồng lên theo nghĩa rỗng bên trong, tức Vô ngã. Khi hiểu không có một ngã thường tồn thì những đối lập có và không, thực và ảo cũng trở nên vô nghĩa, bởi chúng chuyển hóa, sinh thành lẫn nhau – tức Duyên sinh. Ở đây, không phải hoàn toàn không, phủ định sạch trơn: huyền ảo chẳng phải là không thật, thật chẳng phải là không huyền ảo. Cần nhớ rằng, nghĩa Không trong Nikya là không vương bận, người tu an trú vào không, là cơ sở để tu tập như trong Kinh Tiểu Không “Này Ananda, Ta nhờ an trú không nên nay an trú rất nhiều” (Kinh Trung Bộ, q3) (Thích Minh Châu, 2012, tr. 158). Tính Không chẳng sinh chẳng diệt, nó vô cùng vô tận do duyên sinh, không độc lập, tự quyết. Điểm này soi vào hệ thống nhân vật cô đơn trong tiểu thuyết Mĩ Latin và CNHTHA nói riêng cũng như con người hiện đại nói chung có tác dụng cung cấp một lối thoát dẫn đến an lạc mà triết học phương Tây đang va phải bức tường duy lí. Về sau tuy được các tổ, luận sư phát triển theo hướng triết học nhưng khi đầy Tính Không nói riêng và giáo lí nói chung theo hướng siêu hình, suy nguyên thì Phật luôn giữ thái độ im lặng. CNHTHA, theo cách đó, hiện lên như một công án: sinh động, ấn tượng, không có thực thể, không thể hoặc không cần giải thích, kiểu *Huyền chi hựu huyền* của Đạo (*Đạo đức Kinh* – Lão Tử). Theo đó, trong bài viết này, chúng tôi hiểu Tính Không theo tinh thần Phật giáo là thuộc tính chân như thực tướng của các pháp, tức bản chất của sự vật hiện tượng; từ đó đi vào khảo sát tiểu thuyết Mĩ Latin trên các bình diện như nhân vật, không gian thời gian và khuynh hướng sáng tác nhằm góp thêm một cách nhìn: Con người đau khổ, nhân vật cô đơn trong tiểu thuyết được nhìn từ góc độ các pháp vốn không tự tánh – do duyên sinh. Không gian thời gian bất định chính là minh chứng cho các pháp là hư huyền không thật (liên tục sinh diệt) vô thường, vô ngã. Các pháp vốn giả danh đặt tên mà có nên có gọi là sắc không, thực ảo của CNHTHA cũng nằm trong trường nghĩa đó.

2. Các phương diện của hiện thực huyền ảo dưới lí Tính Không

2.1. Nhân vật cô đơn cùng Khổ – Duyên khởi

CNHTHA ra đời vào nửa sau thế kỉ XX, khi nhân loại hàn gắn vết thương hậu thế chiến và hoang mang trong Chiến tranh lạnh, người Mĩ Latin đang say trong cơn phát triển kinh tế thần tốc nhưng băn khoăn vì đánh mất bản thể cá nhân, dân tộc, cộng đồng và châu lục. Về mặt lịch sử, Mĩ Latin chỉ tồn tại từ thế kỉ XV sau khi được người châu Âu tìm ra, nguồn gốc tổ tiên bị xóa sạch; cư dân Trung – Nam Mĩ dùng tiếng Tây Ban Nha nhưng đòi cải cách, theo Thiên Chúa giáo nhưng chống đối nhà thờ và biến các lễ rước tôn giáo thành

các lễ hội dân gian; họ náo nức làm cách mạng, dưới tác động của Mĩ, nên độc tài hình thành khắp châu lục, nhiều cuộc bạo loạn lật đổ nổ ra, chính quyền về tay cánh tả rồi cánh hữu nhưng các tổ chức tài phiệt, quân sự mới thực sự nắm quyền. Người ta thất vọng trong cuộc tìm kiếm bản thể, tâm trạng ấy hình hài hóa những con người lang thang khắp thế giới như Jose Arcadio (*TNCD*), Santiago đi tìm giấc mơ (*NGK*) và Joan Preciado đi tìm cha mình – quá khứ (*Pedro Paramo*). Càng đi tìm, họ nhận ra bản thể ấy càng mờ mịt, bị nhiều yếu tố bôi xóa; họ đau khổ lạc lối trong mê cung tự tạo. Dường như mọi thứ quanh nhân vật luôn biến đổi, đẩy họ đi theo nhiều hướng khiến nỗ lực tìm cầu trở nên bất khả. Điều này Phật giáo lí giải bằng Duyên: Tất cả các pháp trải qua thành trụ hoại không đều có các nguyên nhân cấu hợp, Tương Ứng Bộ kinh, chương 6, phẩm 1, phần 1 thỉnh cầu, xác nhận đức Phật chứng ngộ dưới cội cây Bồ đề là pháp duyên khởi; đến Tương Ứng tập 2, chương 1, phần 12 – Tương Ứng nhân duyên, phẩm Phật Đà, Phật lại thuyết Pháp duyên khởi để chư tỳ kheo lắng nghe và suy niệm. Nhiều lần khác trong Tương Ứng Bộ và Trường Bộ (Kinh Đại Bản) Phật thuyết, giảng ví dụ minh họa 12 Nhân duyên. Theo đó, mọi sự vật đều do các duyên cấu hợp, không có thực thể độc lập nên gọi là Không. Không do Duyên khởi mà thành; hiểu được như vậy thì sẽ không còn khái niệm con người nữa, theo đó con người cô đơn cũng chẳng còn. Mười hai loại nhân duyên này nương nhau mà thành, gắn bó xuyên thấm tinh tế, chúng tôi tạm thời trừu tượng hóa, bóc tách ra từng phần để lí giải cảm thức CNHTHA của Mĩ Latin.

Christopher Columbus tìm ra châu Mĩ tình cờ trên hành trình tìm đường sang phương Đông, ông nghĩ đó là Ấn Độ gọi người bản xứ là Indian (người Ấn Độ). Nhận thức đầu tiên về châu lục này đã là sai lầm. Người châu Âu theo chân đoàn truyền giáo (Thiên Chúa giáo) đến xâm chiếm cụ thể, trực tiếp bằng hành động, lời nói, ý thức. Nhằm đồng hóa thuộc địa, người da trắng áp đặt ngôn ngữ, tư tưởng, tiêu diệt toàn bộ chữ viết và tôn giáo bản địa. Sau khi ổn định, họ gọi đây là Tân Thế giới, là Mĩ Latin, tiến hành hòa huyết, cải biến màu da. Cứ như vậy, nhiều thế hệ con lai ra đời trên cơ sở tiếp xúc, giao lưu, thụ nhận... Bị đàn áp, người bản địa khao khát độc lập, quyền lợi kinh tế, chính trị. Để hiện thực hóa ước muốn ấy, họ tuyên bố li khai mẫu quốc, tiến hành các cuộc chiến để giành quyền lực. Sau khi Cách mạng thành công, họ xây dựng kinh tế, chính trị, già chết nhưng vẫn đau đầu bơ vơ vì nhận ra mình không phải Tây Ban Nha cũng chẳng còn là người bản xứ. Cái vòng luẩn quẩn này được tái lập nhiều lần dưới hình thức các cuộc chiến, bạo động, lật đổ, thất vọng, khủng hoảng, suy đồi... đưa Mĩ Latin vào vòng quay bất tận mà Phật giáo gọi là sinh tử luân hồi, hay như Ursula nhận xét: “Chiến tranh, đến gà chọi, đến gái điếm đến các nghề nông nổi, đó là bốn thảm họa, mà theo sự suy nghĩ của Ursula, đã dẫn tới sự sụp đổ của dòng họ cụ” (Marquez, 1986, Nguyễn Trung Đức (dịch), tr. 245).

Lịch sử hình thành và phát triển Mĩ Latin lúc đậm lúc nhạt, khi trực tiếp khi gián tiếp đều phần nào tìm thấy sự gắn gũi với quan điểm về vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão, tử... của Thập nhị nhân duyên. Sự tác động tổng hợp

dựa trên mối liên hệ rộng khắp, phổ quát của sự vật hiện tượng này nhắc gợi đến triết học Marx. Mĩ Latin trong quá trình chống Mĩ cũng nghiêng về tư tưởng Marxist và chính phủ cánh tả nhưng đó chỉ là diện xã hội, bản thể cá nhân Mĩ Latin vẫn mang nỗi cô đơn sâu sắc. Trước hết đó là cái cô đơn do cách biệt địa lí – Mĩ Latin bị bao bọc ba phía bởi Thái Bình Dương và Đại Tây Dương, phía bắc giáp đất liền với Mĩ nhưng sau thời gian trải thảm tiếp nhận những ngài Brown tư bản, cư dân Latin nhận ra mình bị biến thành thuộc địa kiểu mới; biên giới Mĩ – Mexico trở thành biểu tượng phân tách hai thế giới, hai hệ giá trị. Các ngôi làng biệt lập trong tiểu thuyết CNHTHA ra đời trên nền tảng này gồm Comala, Macodo, và các nhân vật nhận ra rằng: “Ở bên kia sông, vàng, chính ở đó, có đủ loại máy móc kì diệu, trong khi đó chúng ta vẫn sống như những con lừa”. (Marquez, 1986, Nguyễn Trung Đức (dịch), tr. 31). Thứ đến, đó là nỗi cô đơn do tình trạng chính trị hỗn loạn, người ta phải tự tạo một vỏ bọc tự vệ trước cuộc cách mạng mù quáng (*Pedro Paramo*), 72 cuộc chiến (*TNCD*) và tranh chấp sắc tộc, cộng đồng (*NGK*). Cuối cùng, ám ảnh nhất là cô đơn cách biệt cá nhân, những con người ích kỉ, tự cắt rời mình khỏi xã hội: khi vừa chào đời bà Ursula đã nghe trong tiếng khóc của đại tá Aureliano sự ích kỉ của nỗi cô đơn. Tuy nhiên, nhân vật cô đơn nhất trong tiểu thuyết CNHTHA có lẽ là ma. Khác các nhân vật ma trong tiểu thuyết Việt Nam, các bóng ma trong *Pedro Paramo* vẫn có hình sắc, nói chuyện như người thường; bóng ma (*TNCD*) cũng cô đơn lang thang đi tìm bạn, hỏi khắp thế giới những người đã chết để tìm lão trượng Buendia. Khi gặp lại, quả thật bóng ma cũng chịu tác động của duyên Lão: “Khi nhận ra Prudênxiô Aghila, ông ngạc nhiên thấy rằng người chết cũng già theo năm tháng” (Marquez, 1986, Nguyễn Trung Đức (dịch), tr. 112-113). Cả con người lẫn nhân vật ma, hiểu kiểu Phật giáo, đều không thoát khỏi mạng lưới nhân duyên quy định và cảm nhận nỗi khổ trong cuộc đời.

Khổ (dukkha) là một trong bốn chân lí mà Phật Thích Ca chỉ ra. Sự thể hiện các loại khổ này có thể giúp hệ thống hóa các hình thái nhân vật chịu đựng trong tiểu thuyết CNHTHA Mĩ Latin. Khổ khổ (dukkha-dukkha) thể hiện ở các dạng thức như cảnh lang thang trong rừng ăn trái dại và đẽ Jose Arcadio của bà Ursula – *TNCD* (Sinh khổ); lão trượng Buendia khi về già thì hóa điên, thân thể mọc rêu – *TNCD* (Lão khổ); vết thương cụ tổ Ursula ánh ảnh suốt đời bà và cả con cháu – *TNCD* (Bệnh khổ); cái chết luôn đè nặng các nhân vật – *TNCD* (Tử khổ); hoàn cảnh sinh li tử biệt của Susanna với người yêu – *Pedro Paramo* (Ái biệt li khổ); tình yêu vô vọng của Pedro Paramo – *Pedro Paramo* (Cầu bất đắc khổ); người làng oán ghét mà không sao giết được Pedro Paramo – *Pedro Paramo* (Oán tăng hội khổ); anh chàng người Anh biết quá nhiều nên lạc lối trong kiến thức – *NGK* (Ngũ uẩn xí thành khổ). Bi kịch hơn, vì bị quy định chặt chẽ bởi duyên mà không thể thoát ra, ngay đến những kinh nghiệm khoái lạc nhất cũng là khổ: tiểu thuyết CNHTHA Mĩ Latin thường đậm diễn ngôn tính dục, nhưng ngay khi gần gũi về xác thịt các nhân vật nhận ra mình cận kề với cái chết nhất (Hoại khổ: vipariṇāma-dukkha):

Một sự rung động kì lạ đã chôn chặt cô, giữ chặt lấy cô, và ý chí tự vệ của cô đã bị nghiền nát bởi khát vọng không thể tìm lại được là phát hiện xem những tiếng hú màu vàng và những quả bóng vô hình đang đợi cô ở bên kia cái chết là gì (Marquez, 1986, Nguyễn Trung Đức (dịch), tr. 487).

Cứ như vậy, nỗi khổ niềm đau kéo dài truyền từ nhân vật này qua nhân vật khác, từ Pedro Paramo, đến bảy đời dòng họ Buendia, sang Santiago... và nỗi khổ ấy chưa thể chấm dứt nếu không vượt được vô minh. Kết quả là làng Comala biến mất, Macondo bị cuồng phong tiêu diệt còn kho báu nếu không được hiểu chỉ như biểu tượng đá hóa vàng để tham ái thì chàng chẵn cừu cũng rơi vào bi kịch của Hành khổ (samskāra-duḥkha).

Vốn có thời gian gắn bó với nền văn hóa Ấn Độ, tham gia vào nhiều hành trình tâm linh, Paulo Coelho đã để cho nhân vật đến gần với nghĩa Tính Không khi hòa nhập vào môi liên hệ tâm linh, trụ vào đó để dẹp khổ: “Câu dần dà hiểu rằng cảm nhận bằng trực giác nghĩa là tâm linh mình bất chợt chìm ngập trong dòng chảy của toàn vũ trụ, nơi cuộc đời của mọi con người đều liên kết thành một chuỗi”. (Coelho, 2017, Lê Chu Cầu dịch, tr. 104-105)

Như vậy, thông qua nhân vật cô đơn, tiểu thuyết CNHTHA đã xây dựng những hình tượng nghệ thuật tác động mạnh đến tâm lí đồng thời cũng nhắc gợi được ý nghĩa Duyên khởi và Khổ theo tinh thần Phật giáo Nguyên thủy. Đó là những con người cô đơn khát khao tìm bản thể: Joan Preciado tìm cha mình, rơi vào vô cùng những lời kể, bị quy định bởi nhiều quan điểm, không có thực thể, không còn tồn tại và mãi mãi khổ đau (*Pedro Paramo*). Lão trưởng Buendia và đại tá Buendia mãi mê truy tầm bản thể trong khoa học kĩ thuật, trong các cuộc chiến để che giấu cái cô đơn tột cùng, chạy trốn tội lỗi. (*TNCD*). Trong số họ, Santiago là đến gần nhất với giải thoát, kho báu quan trọng nhất chính là Tâm, hành trình ra đi chính là để quay về. Trong ý nghĩa Duyên khởi, không cần phải tranh cãi CNHTHA từ hiện thực bản xứ, Siêu thực châu Âu hay tự nhiên châu lục, bởi nó không có tự tánh, tất cả chỉ do sự tác động của tổng hợp các yếu tố. Nhìn xa hơn nữa, Duyên khởi đề xuất mô hình chuỗi dây cho các thành tố tác động mở ra hướng quan sát những yếu tố trên theo luật hình tuyến, có thể là điều kiện tự nhiên tác động quy định văn hóa châu Âu và biến đổi tính chất chính trị, lịch sử xã hội Mĩ Latin... những đối tượng vốn chỉ được quan sát độc lập.

2.2. Không – thời gian bất định với Vô ngã – Vô thường

Do duyên sinh nên vạn pháp vô thường (anicca), không hiểu được lẽ ấy nên sinh khổ, cái khổ ấy cũng vô ngã (anatta):

Này các Tỳ kheo, sắc là vô thường. Cái gì vô thường cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái đó không có tự ngã. Cái gì không có tự ngã, “Cái đó không phải là của ta, ta không phải là nó, nó không phải là tự ngã của ta”. Đó là với trí tuệ quán sát thực tại như nó là. Cảm thọ là vô thường..., giống như tưởng..., hành... Thức là vô thường. Cái gì vô thường cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái đó không có tự ngã. Cái gì không có tự ngã, “Cái đó không phải là của ta, ta

không phải là nó, nó không phải là tự ngã của ta”. Đó là với trí tuệ quán sát thực tại như nó là. (Kinh Tương Ưng, q3), (Thích Minh Châu, 1991, tr. 450)

Con đường của các nhân vật tiểu thuyết CNHTHA Mĩ Latin có thể được lí giải thông qua sự cố chấp vào ngã, vào Hữu; họ chuộng bạo loạn lật đổ thay cái cũ bằng cái mới, không nhận ra mình thuộc một sợi dây vô tận nối kết. Do không có tự tánh, không tự quyết định, bản thân nổi cô đơn và cá tôi gắn với nó không thể tồn tại mãi, tất yếu các nhân vật dần đi vào tuyệt diệt: Joan Preciado đắm vào các lời kể về cha mình để khi nhận ra thì mới biết mình đang nằm trong mộ, toàn bộ dân làng Macondo bị hủy diệt trong trận cuồng phong. Cái tôi cá nhân cô đơn dẫn đến tuyệt diệt bởi lẽ vô thường.

Thật ra không cần chờ đến ngày khai huyền, tận thế, thân vô thường vẫn luôn biến đổi liên tục, từng sátna một đã khác. Cùng một ý nghĩa đó, tiểu thuyết *Pedro Paramo* thay đổi liên tục các điểm nhìn, giọng điệu, cái sau phủ định cái trước, cố gắng giành tính sống và gán tính chết cho cái trước, mỗi khoảnh khắc sinh thành đều gắn với tận diệt: Sang một đoạn thời gian, chuyển qua một không gian là người kể chuyện trước chìm vào cõi chết (nghĩa đen đời sống và nghĩa bóng nghệ thuật). Kết quả, nếu cá nhân cố gắng bám vào không gian, thời gian, đem tất cả tập trung vào thân mình như cụ tổ Buendia vì ảm ức tính dục thì phải chịu trôi lăn vào lời nguyện trăm năm – *TNCD*. Bởi vô thường vô ngã nên không, thời vẫn cứ phải vận hành, ngừng lại sẽ tiêu vong: Santiago (– NGK) nếu dừng bước thì cũng sẽ bị hủy diệt trong trận cuồng phong tâm linh như làng Macondo.

Trả lời câu hỏi điều gì làm ngôn ngữ nghệ thuật khác với ngôn ngữ đời sống, Roman Jakobson cho rằng đó là sự phóng chiếu trực lựa chọn (dọc – liên tưởng không gian) xuống trục kết hợp (ngang – kết hợp thời gian). Các nhà văn thông qua xây dựng các khoảng không gian đặc biệt như căn phòng vô thời (*TNCD*) hay cất nôi, lắp ráp, quy hồi... thời gian để nhấn mạnh cảm thức thẩm mỹ, tác thành một thế giới nghệ thuật. Thế giới ấy thể hiện rõ cái tôi của nhà văn, từ góc độ Phật học, thế giới ấy vô thường nhất. Trong đời sống, xuất phát từ cái tôi cảm nhận phân biệt không gian là thể bao quanh, thời gian hình tuyến một dòng, khắp hết không gian là vũ, khắp hết thời gian là trụ; hoàn cảnh, vũ trụ này từ cái tôi đến cái ta hiển hiện rõ tính vô ngã vô thường. Đức Phật trước đó cũng đã từng dùng hình ảnh một khối bọt, một bong bóng nước, một ảo cảnh, một loại cây ruột như lục bình, như cây chuối, một ảo tưởng... và kết luận:

Bất luận sắc nào, dầu trong quá khứ, trong vị lai, hay ở hiện tại, thô kịch hay vi tế, thấp hay cao, xa hay gần, vị thì khuru thấy sắc ấy, quán chiếu và khảo sát sắc ấy với sự chú tâm chân chánh có hệ thống, vị thì khuru đã thấy như vậy, quán chiếu và khảo sát với sự chú tâm chân chánh có hệ thống như vậy, sẽ nhận thức rằng nó rỗng không, không có thực chất, không có tính chất vững bền. (Kinh Tương Ưng, q3) (Thích Minh Châu, 1991, tr. 140)

Ngược dòng lịch sử, không gian và thời gian là mối bận tâm phổ biến của các triết gia; chạm đến không – thời là tiếp xúc một chiều kích khác, tách biệt với đời thường, là khát khao nắm lấy chân lí. Thời gian vốn vô thường, không gian lại không có tự tính. Bản thân không gian thời gian là những đại lượng được đặt ra bởi con người nhưng thường bị

xem như chân lí dù không có ý nghĩa thường tồn (cũng do duyên sinh, vận hành của Trái Đất, Mặt Trời và quan niệm con người). Các ức thuyết về thời gian trong lịch sử đi vào tiểu thuyết tạo nên những biến động to lớn cho không gian, thời gian nghệ thuật bởi thân tâm vô thường sẽ tạo nên đối tượng không gian thời gian vô thường vô ngã nhất. Bước vào văn học không gian, thời gian lại bị thao túng, nặng ức đoán hơn với quan niệm nghệ thuật kéo dài, nồn nén thời gian. Không chỉ thế, hiện đại, dưới ảnh hưởng thuyết Tương đối Einstein, không gian co giãn, thời gian quy hồi, dồn nén đẩy con người vào nhà tù của nhận thức, trở thành nạn nhân của không gian, thời gian. Bản thân không gian vô ngã, thời gian vô thường lại đẩy nhân vật vào mê cung mơ hồ không lối thoát. Tiểu thuyết CNHTHA Mĩ Latin đưa không, thời gian vào những ranh giới để lắp ráp, cắt ghép các mảng thời gian quá khứ hiện tại tương lai, đưa cõi tâm linh, huyền hoặc vào giữa đời thường, cho người nói chuyện với ma, địa ngục hiện hình trên trần thế và đôi khi người ta nắm được bóng của thiên thần rồi có lúc xóa nhòa cả thời gian như lão trượng Buendia luôn thấy ngày nào cũng là thứ hai còn căn phòng của Melquiades thì mấy chục năm vẫn sạch bong sáng mới bắt chắp toàn bộ ngôi nhà mục ruỗng. Vẫn biết ức đoán thời gian là khổ thế nhưng quy định thời gian là cách con người khẳng định sự tồn tại, điều này càng có ý nghĩa đặc biệt trong văn học nghệ thuật. Dường như các nhân vật luôn khát khao khả năng quản lí thời gian, để tìm nguyên nhân ban đầu và kết quả chung cục; nghĩa là tất cả nung vào không gian, thời gian để tìm ý nghĩa tồn tại. Một phút nào đấy, dường như Santiago (NGK) bước vào con đường Tính Không để sống trong hiện tại: “Tôi không sống trong quá khứ hay tương lai. Tôi chỉ có hiện tại và chỉ quan tâm hiện tại. Nếu ta lúc nào cũng ở trong hiện tại thì ta là người hạnh phúc.” (Coelho, 2017, Lê Chu Cầu dịch, tr. 120)

Thế nhưng gánh nặng không gian thời gian vô thường vô ngã của Santiago dường như mang tính cá nhân, nó không có được cường độ, quy mô và trạng thái tốt cùng của sự vật hiện tượng, đến mức mà các nhân vật trong *TNCD* phải thốt lên:

Dường như Thượng đế đã quyết định thử thách mọi khả năng kinh ngạc của con người và giữ dân chúng Macônđô trong tâm trạng nghiêng ngả giữa vui và buồn, tin và ngờ, thậm chí đến mức không ai biết được đích xác đâu là giới hạn của thực tế. Đó là một mớ bòng bong trộn lẫn giữa sự thật và ảo ảnh từng làm cho cái bóng ma Hôse Accadiô Buendya phải sống lại đứng ngòai không yên dưới bóng cây dẻ và buộc cụ phải đi đi lại lại trong nhà ngay cả khi trời đã sáng bạch. (Marquez, 1986, Nguyễn Trung Đức dịch, tr. 286)

Làng Macondo riêng biệt tồn tại trong cái vô thường vô ngã của nó, tự do trương phình, tỏa bóng xuống nhân vật, thời gian để nguy tạo cái tôi. Nhìn rộng ra, vô thường vô ngã có phần gần gũi với nguyên lí sự vận động phát triển của sự vật và hiện tượng mà Marx nêu lên, theo đó vận động là hình thức tồn tại của sự vật, không vận động thì không thể tồn tại. Tuy nhiên cái vận động này mang tính chính trị xã hội, kiểu đại tá Buendia phát động 72 cuộc chiến tranh (*TNCD*) hơn là vận động tâm linh trong *NGK*. Hiểu tính vô thường, vô ngã trong sự vận động liên tục này có thể bỏ đi cái chắp không gian và thời gian khi xét nguồn gốc của CNHTHA. Theo đó, chắp không nhấn mạnh đến điều kiện tự

nhiên Mĩ Latin hoặc ảnh hưởng của văn hóa châu Âu, chấp thời thì quy vào lịch sử, hiện thực ngoại cỡ Mĩ Latin quy định quan niệm đời sống và nghệ thuật. Nhìn từ Lí Tính Không thì các yếu tố này không tự nó mà bị quy định, không độc nghĩa mà đa nguyên; không chấp không phải xóa đi không gian và thời gian nghệ thuật huyền ảo, chỉ đơn giản là nhìn nó trong đà vận động, biến chuyển không ngừng nghỉ để mở lòng chấp nhận mọi thử nghiệm nghệ thuật và đời sống.

2.3. *Tiểu thuyết hiện thực – Yếu tố huyền ảo và Có – Không*

Lí do tiểu thuyết Mĩ Latin được định danh là CNHTHA bởi trong tiểu thuyết tồn tại hàng loạt yếu tố huyền ảo bên cạnh hiện thực, có vai trò quan trọng trong liên kết nhân vật, cấu trúc không gian thời gian. Đó là tiếng nói của những bóng ma trong quá khứ, là làng Comala âm u gió mưa không bao giờ ngớt như hình ảnh áp bức bất công ở nông thôn Mexico trong *Pero Paramo*, hay những dấu hiệu điềm báo mà tự nhiên mang đến cho con người, cùng sự việc Remedios Người Đẹp bay lên trời mang theo cả những tấm chăn thô cùng mùi hương hoa hồng và bộ cặp – nửa như huyền tích nửa như châm biếm mỉa mai trong *TNCD*, hoặc giấc mơ và huyền thoại cá nhân của chàng chăn cừu (*NGK*) người ta thỉnh thoảng, đâu đó vẫn nhận ra bản thân trong ấy. Nguyên tắc sáng tạo này triết học Marx chỉ ra vẫn có mang hạt nhân hiện thực, người châu Âu cho rằng đó là hình ảnh phóng chiếu tâm lí còn dân Mĩ Latin khẳng định là hiện thực ngoại cỡ của họ.

Đứng về mặt tiếp nhận, người ta nồng nhiệt đón nhận tiểu thuyết CNHTHA Mĩ Latin vì tính chất huyền ảo của nó bất chấp khuynh hướng lí giải nghiêm về quan niệm hay thủ pháp sáng tác. Nhìn từ Phật học, hệ thống yếu tố huyền ảo này khá gần gũi với khái niệm Không. Không trước hết gắn liền với bản chất tướng tượng của tâm, là bước đầu tiên của hành trình nhận thức và tu tập; cái không ấy cụ thể, có thì nhận là có, không thì nhận là không; như trong kinh Tiểu không, đối diện rừng thì “người ti-kheo không tập trung vào sự cảm nhận liên quan đến ngôi làng, không tập trung vào sự cảm nhận liên quan đến con người, [mà chỉ] tập trung vào đặc tính duy nhất thiết lập trên sự cảm nhận liên quan đến khu rừng” (Kinh Tiểu Không), (Thích Minh Châu, tr. 160-161). Bước thứ hai là đơn giản hóa, không tạo bất cứ diễn đạt nào như nghĩ về đất mà loại bỏ sự phân biệt cao thấp, sạch dơ; rồi hướng tâm vào không gian vô tận không có hình tướng, vượt sắc giới vào vô sắc giới của bầu không gian tri thức, tiến vào thể hư vô rồi đến dạng không cảm nhận cũng không phải không cảm nhận nhằm cuối cùng có thể định tâm vô hướng mà thấy được sự vật hiện tượng đúng như nó vốn có. Con đường có lẽ phần nào gần gũi với cách mà tiểu thuyết CNHTHA tập trung miêu tả đối tượng bằng một cái nhìn mới như cách Marquez tả nước đá như viên kim cương lớn nhất trong *TNCD* cách xa kinh nghiệm chiêm hữu của tâm hoặc tàu lửa là: “Một con quái vật khủng khiếp giống như cái nhà bếp kéo theo cả một làng đang đến kia kìa?” (Marquez, 1986, Nguyễn Trung Đức dịch, tr. 283-284). Nhà văn nương vào đó mà giữ lại những đường dây cơ bản của khái niệm vận hành các hình tượng phi sắc giới như không gian thời gian huyền ảo, vào cái hư vô để gặp người tiên và hồn ma

và cuối cùng là hiển lộ hiện thực như nó vốn có, không ngăn ngại giữa hai trục thực – ảo và thể hiện đời sống bằng hàng loạt chi tiết có khi nặng tính biểu tượng, có lúc tự do tự tại. Với Paulo Coelho (NGK) vượt qua sắc giới, tri thức nội tâm của chàng chần chừ hiện lên là một cõi phi không phi thời, nơi ấy chàng đối thoại với mặt trời và tạo nên cơn cuồng phong như dấu hiệu thấu nhập, đạt ngộ; trạng thái ấy là hòa nhập vào Linh hồn vũ trụ – đối tượng không cảm nhận cũng không phải không cảm nhận để thấy hiện thực đúng như thế, như hóa đá thành vàng. Theo nghĩa đó, Không chẳng phải không có, không tồn tại mà đơn giản là vén mây thấy trăng, vượt rừng mê vào Niết bàn:

Họ tin rằng khi kim loại được nung nóng nhiều năm thì chúng sẽ mất đi những tính chất nguyên thủy, chỉ còn lại cái tâm linh vũ trụ thôi. Tâm linh vũ trụ này sẽ giúp họ hiểu được mọi sự trên mặt đất, vì nó là thứ ngôn ngữ kết nối mọi sự vật với nhau. (Coelho, 2017, Lê Chu Cầu dịch, tr.113)

Tuy nhiên, trên hành trình này, có khi nhà văn – hành giả có chủ đích biến hiện thực thành thần thoại, đưa đời thường đến địa hạt mộng ảo, hoặc trong cuộc sống hiện thực cấy ghép sự vật mang sắc thái huyền ảo làm tăng sức biểu hiện cho tác phẩm. Điều đó nên hiểu là một ẩn dụ được trình bày đậm nét, một công án được nêu lên kích thích mạnh mẽ, một dạng phương tiện huyền ảo nhưng không làm vỡ mất tính hiện thực... theo hướng này Phật giáo phát triển đã thành công khi diễn giải kiểu hệ Bát Nhã, Pháp Hoa. Trong tinh thần Phật giáo Nguyên thủy, hiểu muôn hình trạng của Không chính là quay lại với mối quan hệ Có – Không, Thực – Ảo tương y tương thành, chỉ tính chất vô ngã vô thường của sự vật, mối quan hệ Duyên sinh chi phối; cặp đối lập này chiếu một ánh sáng mới lên hiện thực Mĩ Latin: châu lục đầy bạo loạn xã hội, bất ổn chính trị, tỉ lệ tội phạm cao nhất thế giới... nhưng hằng năm người ta liên tục tổ chức thành công các kì thi hoa hậu, người đẹp Mĩ Latin thống trị ngôi vị hoa hậu hoàn vũ và hàng chục ngôi trường đào tạo người đẹp vẫn hoạt động rầm rộ. Trong ý nghĩa đó, khi nhìn vào yếu tố Sắc của Mĩ Latin người đọc được gọi đến Không rõ nét và ẩn tượng.

Như vậy, tuy cách biệt về không gian thời gian nhưng yếu tố huyền ảo của CNHTHA lại tương chiếu với lí Tính Không, nhờ đó không tách với chân thật, thanh tịnh tiến đến gần gũi với nhau, phủ nhận tính chất bi quan yếu thế mà người ta thường lầm tưởng Phật giáo. Ngược lại, chính Tánh Không mới là thế mạnh, là con đường tu tập để dẫn đến giải thoát. Theo nghĩa đó, Đức Phật luôn trú trong Tánh Không – chẳng phải là một cõi hư vô, không hàm chứa gì, mà là một thể dạng tâm thức tràn ngập yên bình, tinh thức bên trong. Nhờ vậy mà người hành trì Tánh Không có thể bén nhạy, chủ động, tập trung trong đời sống cũng như tâm thức. Khi thấu suốt cái huyền ảo thì hiện thực tự mở ra, vượt lên phong ba chính trị xã hội, người Mĩ Latin vẫn tổ chức festival, trong khi các tổ chức ngầm ngày một bành trướng thì xuất hiện một vị tổng thống tự nguyện nghèo nhất thế giới ở Uruguay (Jose Pepe Mujica), lúc tỉ lệ tội phạm giết người cao nhất toàn cầu thì nhiều quốc gia ở Mĩ Latin lại cảm thấy mình hạnh phúc nhất thế giới. Từ góc độ này thì lí Tánh không cùng quan hệ

Có – Không khá gần gũi với nguyên lí sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập mà Marx từng nêu ra: phải có đấu tranh thì mới có thống nhất, trong thống nhất phải có đấu tranh, đó là điều kiện cho sự vận động và phát triển. Tuy vậy, điểm khác biệt của Tánh Không là chẳng thiên về thống nhất, chẳng ngã về đấu tranh mà thi hành trung đạo; nói theo tinh thần Phật giáo Nguyên thủy là không rơi vào cực đoan dục lạc (huyền ảo) cũng tránh thi hành khổ hạnh (hiện thực): ‘*Kinh Vô Tránh Phân Biệt*’ trong “*Kinh Trung Bộ*” tập 3, ghi như sau:

“Chớ có hành trì dục lạc, hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Và cũng không nên hành trì tự ki khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn”.
(Thích Minh Châu, 2012, tr. 250)

Không chấp hai cực đoan có và không, Như Lai không trả lời câu hỏi siêu hình thế giới thường hay vô thường, hữu biên hay vô biên. Cũng thế, CNHTHA không bản khoăn giải thích vì sao lại hòa hợp thực ảo, đâu là ranh giới, cái gì là nguyên do... những điều đó văn học kì ảo và siêu thực đã làm, chúng phân biệt CNHTHA với những trào lưu văn hóa nghệ thuật khác. Người Mĩ Latin khi đối diện với điều huyền ảo họ mặc nhiên thừa nhận không thắc mắc. Fernanda (*TNCD*) khi chứng kiến Remedios bay lên trời không kinh ngạc, xúc động mà chỉ bản khoăn không biết khi nào ông trời trả lại máy tắm chắn (bị cuốn bay lên cùng Remedios với đầu trục và thân hình trần truồng). Cũng vậy, khi gặp nhiều điều trùng hợp, lạ kì trên đường, Santiago vẫn an nhiên cho rằng nó xảy ra như vậy vì đơn giản nó là như vậy. Từ góc độ tiếp nhận, không thể nhận ra một vết đứt gãy nào trong nhận thức tiểu thuyết CNHTHA, đó là lí do mà khi tiếp cận với bóng ma, trong khi Mĩ Latin không mấy quan tâm thì người Việt Nam lại thể hiện cảm xúc mạnh mẽ. Đó chính là thái độ kể chuyện mà nhà văn CNHTHA Marquez tìm kiếm: kể chuyện huyền ảo bằng một giọng dửng dưng và gương mặt tỉnh, theo cách mà bà ngoại ông kể những câu chuyện thần ma thuở xưa.

3. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo và lí Tính Không – một câu nói mới

Tóm lại, bài viết này đã vận dụng lí Tính Không để làm rõ những vấn đề lí luận và thực tiễn của CNHTHA trên ít nhất là ba phương diện: nhân vật, không gian thời gian và yếu tố huyền ảo. Song song quá trình đó, nhiều nét nghĩa Tính Không cũng được nhắc lại, liên hệ theo tinh thần Phật giáo Nguyên thủy với tác dụng soi chiếu nghệ thuật, hướng dẫn đời sống. Tuy nhiên, Tính Không, hiểu như vậy, vẫn dừng lại ở tinh thần Phật giáo Nguyên thủy khi phần nào soi chiếu các vấn đề hiện thực như lịch sử, chính trị xã hội và nghệ thuật tiểu thuyết. Từ một tính chất, Tính Không về sau được Phật giáo Phát triển hiểu như một thể tính tuyệt đối, phủ định nhị nguyên, xóa bỏ sự phân biệt sắc và không, vô và hữu. Quan niệm này tuy là sự kế thừa và phát triển nhưng việc vận dụng đòi hỏi một sự đầu tư sâu sắc và lâu dài hơn về cả Phật học lẫn nghệ thuật trong tương lai. Đến đây, có thể tạm thời kết

luận về một số điểm mới của bài viết này bao gồm thứ nhất là mới ở cách nhìn khi so sánh loại hình hai đối tượng không có liên hệ thực tế nhưng có nhiều điểm tương đồng, soi chiếu lẫn nhau. Cái mới thứ hai ở cách làm khi vận dụng Phật giáo vào giải quyết vấn đề lí luận nhận thức tại khu vực mang nền tảng Thiên Chúa giáo. Thứ ba là cái mới ở phương pháp khi vận dụng văn học với đặc trưng tư duy hình tượng để làm rõ quan điểm Phật giáo và ngược lại; cái mới thứ tư nằm ở kết quả: giải quyết vấn đề lí luận CNHTHA vốn còn nhiều tranh cãi thông qua lí Tính Không của Phật giáo Nguyên thủy.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thích Minh Châu. (dịch) (1991). *Kinh Tương Ứng*. TP Hồ Chí Minh: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
- Thích Minh Châu. (dịch) (1991). *Kinh Trường Bộ*. TP Hồ Chí Minh: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
- Thích Minh Châu. (dịch) (2012). *Kinh Trung Bộ* (3 tập). Hà Nội: Tôn Giáo.
- Coelho, P. (2017). *Nhà giả kim*. Lê Chu Cầu (dịch). Hà Nội: Văn học.
- Thích Thiện Hoa. (2008). *Phật học phổ thông* (quyển 2). Hà Nội: Tôn giáo.
- Hoàng Phong. (2013). *Khái Niệm Tính Không Trong Phật giáo*. Hà Nội: Hồng Đức.
- Marquez, G. G. (1986). *Trăm năm cô đơn*. Nguyễn Trung Đức (dịch). Hà Nội: Văn Học
- Runphô, H. (1987). *Pêđrô Paramô*. Nguyễn Trung Đức (dịch). Cà Mau: Mũi Cà Mau.